

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng.....năm ...

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH KIỂM TRA,
XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU VỚI THÔNG TƯ SỐ 39/2018/TT-BCT NGÀY 30/10/2018

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

Điều 1.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

Điều 1.

THUYẾT MINH

Thuyết minh những nội dung được kế thừa; nội dung được sửa đổi, bổ sung; nội dung thay thế, bãi bỏ (nếu có).
Nội dung phân quyền, phân cấp và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (nếu có); việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc (nếu có).

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;
Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;
Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương về xuất

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu) <i>Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.</i></p> <p>Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)</p> <p><i>xử hàng hóa;</i> <i>Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;</i> <i>Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.</i></p> <p>Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>THUYẾT MINH</p>
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu trước và sau khi cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định nước nhập khẩu và việc tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của thương nhân theo khoản 1 Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).</p> <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với: 1. Cơ quan, tổ chức cấp C/O; 2. Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa;</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định trình tự, nội dung, phương thức kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu trước và sau khi cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và kiểm tra việc tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu của thương nhân theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa.</p> <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với: 1. Cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Cơ quan, tổ chức cấp C/O). 2. Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận cho nhà xuất</p>	<p>-Khoản 1 Điều 18 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật QLNT về xuất xứ hàng hóa có quy định cụ thể hơn về nội dung Bộ Công Thương cần hướng dẫn trong công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng xuất khẩu. -Bỏ “tiền kiểm” xác minh xuất xứ trước khi cấp C/O và VBCT tại Thông tư 39/2018/TT-BCT để đưa vào các thông tư quy định TTHC cấp C/O và VBCT do các bước tiền kiểm là một phần trong quy trình thực hiện các TTHC này. - Trong Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 31/2018/NĐ-CP chỉ sử dụng các cụm từ “Cơ quan, tổ chức cấp C/O” và “Cơ</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)	THUYẾT MINH
<p>3. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa;</p> <p>4. Thương nhân bao gồm:</p> <p>a) Thương nhân đề nghị cấp C/O;</p> <p>b) Thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa;</p> <p>c) Thương nhân phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định nước nhập khẩu;</p> <p>d) Nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.</p>	<p>khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận).</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa;</p> <p>3. Cơ quan hải quan.</p> <p>4. Thương nhân bao gồm:</p> <p>a) Thương nhân đề nghị cấp C/O;</p> <p>b) Nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là Nhà xuất khẩu đủ điều kiện);</p> <p>c) Nhà xuất khẩu đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam (sau đây gọi là Nhà xuất khẩu đăng ký);</p> <p>d) Nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu (sau đây gọi là Nhà sản xuất, nhà cung cấp).</p> <p>5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác liên quan.</p>	<p>quan, tổ chức cấp VBCT”. Cơ quan, tổ chức cấp C/O cũng là cơ quan tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xxhh theo hệ thống GSP-REX, vì vậy bỏ khoản 3 Điều 2 Thông tư 39/2018/TT-BCT.</p> <p>- Bổ sung “3. Cơ quan hải quan” do cơ quan này cũng chịu trách nhiệm kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng xuất khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan theo phân công của Bộ Tài chính tại khoản 2 Điều 18 Dự thảo Nghị định thay thế 31/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 4 Điều 2 theo thuật ngữ nhà xuất khẩu đủ điều kiện trong FTA và nhà xuất khẩu đăng ký trong GSP tại Dự thảo Nghị định thay thế 31/2018/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>1. <i>Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa trong nước</i> (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước) là Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; cơ quan, tổ chức cấp C/O; cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa; cơ quan, tổ chức tiếp</p>	<p>Điều 3. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu</p> <p>1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương); Cơ quan, tổ chức cấp C/O; Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận (sau đây gọi là Cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước); Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo</p>	<p>Sửa đổi tên và nội dung Điều 3 theo hướng:</p> <p>- Các cơ quan có thẩm quyền trong nước như Cục XNK, các cơ quan , tổ chức cấp C/O và VBCT, cơ</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

2. *Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa nước nhập khẩu* (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu) là cơ quan hải quan nước nhập khẩu, cơ quan chức năng nước nhập khẩu.

3. *Kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa* là hoạt động rà soát, đối chiếu, xác thực hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành nhằm đảm bảo hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ.

4. *Kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất* là hoạt động kiểm tra, xác minh xuất xứ tại địa điểm kinh doanh, địa điểm sản xuất, địa điểm nuôi trồng hay đánh bắt và địa điểm khác của thương nhân nhằm đảm bảo hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ.

5. *Đề nghị kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa* là văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, cơ quan chức năng khác trong nước đề nghị cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin liên quan đến xuất xứ hàng hóa thuộc diện nghi ngờ hoặc đề nghị phối hợp trong công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

quy định tại Điều 18 **Nghị định số/2026/NĐ-CP.**

2. Cơ quan hải quan nước nhập khẩu; Cơ quan, tổ chức, đầu mối kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa khác do nước nhập khẩu thông báo có thẩm quyền kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa của nước xuất khẩu theo điều ước quốc tế mà **nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam (**sau đây gọi là** Cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài).

THUYẾT MINH

quan hải quan trong nước chịu trách nhiệm kiểm tra, phối hợp lẫn nhau để kiểm tra xuất xứ của hàng xuất khẩu theo Điều 18 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 31/2018/NĐ-CP.

- Các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài có quyền yêu cầu kiểm tra, xác minh xuất xứ của hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang theo quy định của các FTA, GSP ...
 - Bỏ đi các khoản 3, 4, 5 Điều 3 Thông tư 39/2018/TT-BCT do nội dung, phạm vi kiểm tra, xác minh đã quy định tại Điều 7 và Điều 12 Dự thảo Thông tư. Ngoài ra, đề nghị kiểm tra, xác minh xxhh là văn bản yêu cầu thương nhân phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác kiểm tra, không phải thuật ngữ khó hiểu cần phải đưa ra định nghĩa.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

Điều 4. Kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa

1. Việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định về kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa khác với quy định tại Thông tư này, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

Điều 5. Phương thức kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa

Việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo các phương thức sau:

1. Kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.
2. Kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

Điều 4. Kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu

1. Việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà **nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định về kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa khác với quy định tại Thông tư này, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa thực hiện theo **các thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn** điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

Điều 5. Phương thức kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu

Việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu thực hiện theo các phương thức sau:

1. Kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa **xuất khẩu đã cấp hoặc đã phát hành theo quy định tại Chương II Thông tư này.**
2. ~~Kiểm tra,~~ Xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất **theo quy định tại Chương III Thông tư này.**

THUYẾT MINH

- Bổ sung cụm từ “nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa” trước “Việt Nam” theo Luật Điều ước quốc tế

- Bổ sung “các thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn...” Do thời hạn, cách thức trả lời kiểm tra, xác minh C/O hay chứng từ TCNXXHH thuộc các FTA mà Việt Nam là thành viên có thể giống hoặc khác nhau, vì vậy việc kiểm tra, xác minh chứng từ CNXXHH xuất khẩu cần kết hợp giữa dự thảo Thông tư này và các thông tư khác của BT BCT quy định QTXH cho từng FTA.

- Sử dụng cụm từ “Kiểm tra” cho hồ sơ giấy C/O hay chứng từ chứng nhận xxhh đã cấp/phát hành và “xác minh” tại cơ sở sản xuất của thương nhân xuyên suốt dự thảo Thông tư, vì vậy bỏ cụm từ “Kiểm tra” tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 39/2018/TT-BCT.

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)</p> <p>Chương II KIỂM TRA HỒ SƠ, CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA</p>	<p>DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)</p> <p>Chương II KIỂM TRA HỒ SƠ, CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU ĐÃ CẤP HOẶC ĐÃ PHÁT HÀNH</p>	<p>THUYẾT MINH</p> <p>- Bổ sung “theo quy định tại Chương II và Chương III Thông tư này” để trích yếu quy định rõ ràng ở các chương liên quan trong dự thảo Thông tư đối với từng phương thức kiểm tra, xác minh. Sửa đổi tên Chương II để khớp với khoản 1 Điều 5 Dự thảo Thông tư.</p>
<p>Điều 6. Trường hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành</p> <p>Việc kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được thực hiện trong trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa. 2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước tiến hành kiểm tra, quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa. 3. Cơ quan chức năng khác trong nước đề nghị phối hợp khi có lý do nghi ngờ hoặc phát hiện dấu hiệu gian lận xuất xứ hàng hóa. 	<p>Điều 6. Trường hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu đã cấp hoặc đã phát hành</p> <p>Để đảm bảo hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ và phòng chống việc thương nhân gian lận xuất xứ hàng hóa, công tác rà soát, đối chiếu, kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu đã cấp hoặc đã phát hành do cơ quan, tổ chức cấp C/O hoặc cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận lưu trữ với hồ sơ do thương nhân lưu trữ được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa xuất khẩu đã được cấp C/O hoặc phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam. 2. Cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước phối hợp với thương nhân chủ động kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu đã cấp hoặc đã phát hành để quản lý rủi 	<p>- Đưa khoản 3 Điều 3 Thông tư 39/2018/TT-BCT xuống Điều 6 dự thảo Thông tư.</p> <p>- Sửa Điều 6 để làm rõ các trường hợp kiểm tra hồ sơ giấy của “cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước và cơ quan hải quan” khớp với Điều 3 dự thảo Thông tư và Điều 18 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 31/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Bổ sung cụm từ “nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa” trước “Việt Nam” theo Luật Điều ước quốc tế</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

Điều 7. Nội dung kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước rà soát hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do cơ quan, tổ chức cấp C/O lưu trữ hoặc do thương nhân lưu trữ và yêu cầu thương nhân cung cấp chứng từ, tài liệu liên quan để xác thực nội dung sau:

1. Thẩm quyền của cơ quan, tổ chức cấp C/O, quy trình, thủ tục, hồ sơ cấp C/O.

2. Thẩm quyền của cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, quy trình, thủ tục, hồ sơ phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa; thẩm quyền của cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa, quy trình, thủ tục, hồ sơ phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định nước nhập khẩu.

3. Tính đầy đủ, hợp lệ trong việc kê khai, cam kết xuất xứ hàng hóa của thương nhân xuất khẩu, nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

4. Tình trạng hoạt động của thương nhân bao gồm thương nhân đang hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, chuyển quyền sở hữu, giải thể hay phá sản theo quy định của pháp luật.

5. Thông tin, chứng từ, tài liệu khác liên quan phục vụ việc kiểm tra xuất xứ hàng hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

3. Cơ quan hải quan đề nghị phối hợp kiểm tra xuất xứ hàng hóa xuất khẩu đã được cấp C/O hoặc phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa khi có lý do nghi ngờ hoặc phát hiện dấu hiệu gian lận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

Điều 7. Nội dung kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành

1. Khi kiểm tra C/O đã cấp, hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do cơ quan, tổ chức cấp C/O lưu trữ hoặc do thương nhân lưu trữ được rà soát, đối chiếu để kiểm tra một hoặc nhiều nội dung sau:

a) Tính xác thực của C/O đã cấp, gồm hiệu lực của tên cơ quan và người có thẩm quyền ký C/O; tính chuẩn xác, hợp lệ của mẫu con dấu, mẫu chữ ký và mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O; chữ ký người đại diện hợp pháp của thương nhân trên C/O đã được đăng ký hoặc cập nhật tại hồ sơ thương nhân; mã QR hoặc hình thức chống giả khác (nếu có);

b) Khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu đã được cấp C/O trong trường hợp phát hiện thương nhân:

b1) Kê khai hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi hoặc tiêu chí xuất xứ không ưu đãi không đủ chi tiết hoặc thiếu thông tin theo biểu mẫu quy định;

b2) Khai báo nguyên liệu mua trong nước để sản xuất hàng xuất khẩu có xuất xứ nhưng thiếu chứng từ chứng minh xuất xứ do nhà sản xuất, nhà xuất khẩu cung cấp.

b3) Khai báo nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu có xuất xứ nhưng thiếu chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

b4) Kê khai nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra có cùng mã HS ở cấp độ 2 số, 4 số hoặc 6 số nhưng tỷ lệ *De minimis* vượt quá quy định.

Sửa đổi Điều 7 để quy định rõ hơn nội dung cần kiểm tra khi (i) kiểm tra C/O đã cấp tại khoản 1 Điều 7 và (ii) kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành tại khoản 2 Điều 7.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

b4) Nộp quy trình sản xuất hàng hóa xuất khẩu có các công đoạn trùng với công đoạn gia công, đơn giản.

c) Sự phù hợp của nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra về số lượng, trọng lượng, và mô tả hàng hóa;

d) Tính đầy đủ, hợp lệ khi kê khai, cam kết xuất xứ hàng hóa xuất khẩu trong trường hợp thương nhân đề nghị cấp C/O không phải là nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu;

đ) Thông tin, chứng từ, tài liệu, **dữ liệu** khác có liên quan.

2. Khi kiểm tra chứng từ **tự** chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành, để bảo đảm chứng từ **tự** chứng nhận xuất xứ hàng hóa được phát hành hợp lệ và hàng hóa được tự chứng nhận xuất xứ đáp ứng quy tắc xuất xứ, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận kiểm tra nội dung sau:

a) Tính xác thực của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành (gồm mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thông tin của nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc của nhà xuất khẩu đăng ký theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam);

b) Tình trạng xuất xứ của hàng hóa đã được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa qua bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi hoặc tiêu chí xuất xứ không ưu đãi, quy trình sản xuất và chứng từ thuộc hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận;

c) Tính đầy đủ, hợp lệ, **chính xác** trong việc kê khai, tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, cung cấp tài liệu hoặc chứng từ chứng minh xuất xứ của:

c1) Nhà xuất khẩu đủ điều kiện hoặc nhà xuất khẩu đăng ký;

c2) Nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa (nếu có).

d) Tình trạng hoạt động của nhà xuất khẩu đủ điều kiện hoặc nhà xuất khẩu đăng ký bao gồm thương nhân đang hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, chuyển quyền sở hữu, giải thể hay phá sản theo quy định của pháp luật;

đ) Thông tin, chứng từ, tài liệu, **dữ liệu** khác liên quan phục vụ việc kiểm tra xuất xứ hàng hóa đã được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Điều 8. Trình tự kiểm tra hồ sơ C/O, Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM) đã cấp

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, việc kiểm tra hồ sơ C/O, CNM đã cấp được thực hiện theo trình tự sau:

a) Bộ Công Thương gửi cho cơ quan, tổ chức cấp C/O văn bản yêu cầu kiểm tra kèm theo đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu.

b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O kiểm tra và trả lời bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, sao gửi Bộ Công Thương kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa trong vòng 2 tháng kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu kiểm tra nêu tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp cần gia hạn thời gian trả lời đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức cấp C/O gửi cho Bộ Công Thương văn bản giải trình không muộn hơn 10 ngày làm việc trước khi đến thời hạn quy định để làm văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu gia hạn. Trong quá trình kiểm tra hồ sơ C/O, CNM đã cấp, cơ quan, tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết.

c) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ

Điều 8. Trình tự kiểm tra hồ sơ C/O đã cấp

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền **xác minh** nước ngoài, việc kiểm tra hồ sơ C/O đã cấp được thực hiện theo trình tự sau:

a) **Cục Xuất nhập khẩu** (Bộ Công Thương) thông báo cho cơ quan, tổ chức cấp C/O đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền **xác minh** nước ngoài bằng văn bản **hoặc qua thư điện tử trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được**.

b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O kiểm tra và trả lời cho cơ quan có thẩm quyền **xác minh** nước ngoài bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu** (Bộ Công Thương) và **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa trong vòng **60 ngày** kể từ ngày nhận được **thông báo** kiểm tra quy định tại điểm a khoản này.

c) **Trong vòng 07 ngày** kể từ ngày nhận được kết luận (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền **xác minh** nước ngoài đối với kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm b khoản này, cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho thương nhân bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu** (Bộ Công Thương) và **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**.

d) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà **nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên, quy

- Sửa đổi tên Điều 8, bỏ đi CNM vì CNM cũng được coi là một trong các loại C/O.

- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 8 ghi rõ tên Cục XNK (BCT) – cơ quan đầu mối tiếp nhận đề nghị kiểm tra, xác minh C/O từ hải quan nước nhập khẩu và thời hạn xử lý để minh bạch trong trình tự kiểm tra C/O đã cấp.

- Sau mở rộng phân cấp, phân quyền cấp C/O cho địa phương thực hiện, cơ quan có thẩm quyền cấp C/O tại địa phương có trách nhiệm trực tiếp trả lời đề nghị kiểm tra C/O đã cấp của hải quan nước ngoài hoặc xin gia hạn trả

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định khác về thời hạn thông báo và thời hạn gia hạn thông báo kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa cho cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, cơ quan, tổ chức cấp C/O thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

d) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu về kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức cấp C/O gửi thông báo này bằng văn bản cho Bộ Công Thương và thương nhân liên quan.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước tiến hành kiểm tra, quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, việc kiểm tra hồ sơ C/O, CNM đã cấp theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ được thực hiện theo trình tự sau:

a) Bộ Công Thương gửi cho cơ quan, tổ chức cấp C/O văn bản yêu cầu kiểm tra.

b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O kiểm tra và trả lời bằng văn bản cho Bộ Công Thương trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu kiểm tra nêu tại điểm a khoản 2 Điều này. Trường hợp cần gia hạn thời gian trả lời văn bản yêu cầu kiểm tra, cơ quan, tổ chức cấp C/O gửi cho Bộ Công Thương văn bản giải trình không muộn hơn 5 ngày làm việc trước khi đến thời hạn quy định. Trong quá trình kiểm tra hồ sơ C/O, CNM đã cấp, cơ quan, tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết.

3. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng khác trong nước về việc kiểm tra hồ sơ C/O, CNM đã cấp, cơ quan, tổ chức cấp C/O báo cáo Bộ Công Thương để phối hợp xử lý.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

tất xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định khác về quy trình, thời hạn **trả lời** và thời hạn gia hạn **trả lời** đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, cơ quan, tổ chức cấp C/O thực hiện **theo các thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn** điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

2. Trên cơ sở quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức **cấp C/O** chủ động kiểm tra hồ sơ C/O đã cấp theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ theo trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp C/O gửi cho **thương nhân** đề **ngợi kiểm tra xuất xứ hàng hóa** bằng văn bản **hoặc qua thư điện tử** kèm theo danh sách số tham chiếu C/O và ngày cấp C/O thuộc diện kiểm tra, lý do nghi vấn cụ thể về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu và thông tin hoặc chứng từ cần cung cấp.

b) **Thương nhân** kiểm tra và trả lời cho **cơ quan, tổ chức cấp C/O** bằng văn bản hoặc qua thư điện tử kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa trong vòng **30 ngày** kể từ ngày nhận được đề **ngợi kiểm tra** quy định tại điểm a khoản này.

c) Sau khi kết thúc kiểm tra, cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho thương nhân kết luận đối với kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm b khoản này bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu** (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Trường hợp không nhận được trả lời của thương nhân trong thời hạn quy định tại điểm b khoản này hoặc thương nhân đã trả lời nhưng chưa đúng hay chưa đáp ứng đầy đủ đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức cấp C/O có quyền thực hiện phương thức xác minh tại cơ sở sản xuất theo quy định tại Chương III Thông tư này.

lời bằng văn bản cũng như chủ động kiểm tra thương nhân đề nghị cấp C/O. Bộ CT chỉ đóng vai trò cơ quan đầu mối tiếp nhận đề nghị kiểm tra C/O đã cấp của hải quan nước ngoài và chuyển cho cơ quan cấp C/O địa phương trả lời. Ngoài ra, kết quả kiểm tra C/O do cơ quan cấp C/O địa phương thực hiện cần sao gửi Cục XNK-BCT để quản lý NN và UBND cấp tỉnh trong trường hợp phân cấp hoặc ủy quyền cho SCT/Ban QL.

- Sửa đổi trình tự kiểm tra C/O đã cấp về các bước xử lý, thời hạn xử lý, cơ chế phối hợp sau phân cấp, phân quyền ... của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài (khoản 1), cơ quan cấp C/O (khoản 2) và cơ quan hải quan (khoản 3) để minh bạch trong trình tự kiểm tra C/O đã cấp.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

3. Trên cơ sở đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa kèm theo lý do và thông tin nghi vấn liên quan của cơ quan hải quan đối với lô hàng xuất khẩu đã được cấp C/O, việc kiểm tra hồ sơ C/O đã cấp được cơ quan, tổ chức cấp C/O thực hiện theo trình tự sau:

a) Cơ quan hải quan gửi cho cơ quan, tổ chức cấp C/O đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa kèm theo danh sách số tham chiếu C/O và ngày cấp C/O, bản copy C/O thuộc diện kiểm tra, lý do nghi vấn cụ thể về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu và thông tin hoặc chứng từ cần cung cấp.

b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O kiểm tra và trả lời cho cơ quan hải quan bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu** (Bộ Công Thương) và **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa trong vòng **60 ngày** kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra của cơ quan hải quan.

4. Trường hợp cần gia hạn thời hạn trả lời đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này, **văn bản đề nghị gia hạn (trong đó nêu rõ lý do và đề xuất thời hạn gia hạn trả lời cụ thể) phải được gửi cho cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước không muộn hơn 10 ngày** trước khi đến thời hạn quy định. **Thời hạn gia hạn** trả lời do thương nhân và các cơ quan có thẩm quyền xác minh liên quan thống nhất.

5. Trong quá trình kiểm tra hồ sơ C/O đã cấp theo quy định tại Điều này, cơ quan, tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết.

Điều 9. Trình tự kiểm tra hồ sơ chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, việc kiểm tra hồ sơ chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành được thực hiện theo trình tự sau:

Điều 9. Trình tự kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, việc kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện được thực hiện theo

- Bổ sung khoản 4 về gia hạn thời hạn trả lời kiểm tra C/O đã cấp để tăng tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan cấp C/O hoặc thương nhân theo kiến nghị tại BC tổng kết, thi hành Thông tư 39/2018/TT-BCT.

- Đưa một phần từ điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư 39/2018/TT-BCT xuống khoản 5 Điều 8 dự thảo Thông tư để tránh trùng lặp.

- Sửa đổi tên Điều 9 để làm rõ trình tự ở Điều này áp dụng đối với chứng từ TCNXXHH do nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của các FTA mà Việt

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

a) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận

xuất xứ hàng hóa gửi cho thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa văn bản yêu cầu kiểm tra kèm theo đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu.

b) Thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa kiểm tra và trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa:

- Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu kiểm tra nêu tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu kiểm tra nêu tại điểm a khoản 1 Điều này trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu gửi văn bản nhắc lại đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa.

c) Trường hợp cần gia hạn thời gian trả lời kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm b khoản 1 Điều này, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gửi cho cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa văn bản giải trình không muộn hơn 5 ngày làm việc trước khi đến thời hạn quy định. Trong quá trình kiểm tra hồ sơ, chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành, cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa yêu cầu thương nhân bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết.

d) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm b khoản 1 Điều này.

đ) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác về thời hạn thông

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận gửi cho nhà xuất khẩu đủ điều kiện đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài bằng văn bản hoặc qua thư điện tử **trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được.**

b) Nhà xuất khẩu đủ điều kiện kiểm tra và trả lời cho cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận bằng văn bản hoặc qua thư điện tử kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa:

b1) Trong vòng **25 ngày** kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra quy định tại điểm a khoản này;

b2) Trong vòng **15 ngày** kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra quy định tại điểm a khoản này trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài gửi văn bản nhắc lại đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa.

c) Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu** (Bộ Công Thương) và **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm b khoản này trong vòng **60 ngày** kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm a khoản này.

d) Trong vòng **07 ngày** kể từ ngày nhận được kết luận (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài đối với kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm c khoản này, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận thông báo cho nhà xuất khẩu

đủ điều kiện bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu** (Bộ Công Thương) và **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**.

đ) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà **nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên có quy định khác về quy trình, thời hạn trả lời và thời hạn gia hạn trả lời đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa cho cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận thực

THUYẾT MINH

Nam là thành viên. Để trở thành nhà xuất khẩu đủ điều kiện, thương nhân cần được xem xét, đánh giá theo điều kiện của từng FTA (nếu có)/điều kiện trong nước và được cấp Văn bản chấp thuận TCNXXHH.

- Sửa đổi trình tự kiểm tra chứng từ TCNXXHH đã phát hành về các bước xử lý, thời hạn xử lý, cơ chế phối hợp sau phân cấp, phân quyền ... của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài (khoản 1), cơ quan cấp VBCT (khoản 2) và cơ quan hải quan (khoản 3) để minh bạch trình tự kiểm tra chứng từ TCNXXHH đã phát hành.

Theo rà soát FTA nâng cấp, thời hạn trả lời kiểm tra PoO cho hải quan nước nk là:

- Từ 30-90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu (RCEP),

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

báo và thời hạn gia hạn thông báo kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa cho cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

e) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu về kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm d khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gửi thông báo này bằng văn bản cho thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa liên quan.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa tiến hành kiểm tra, quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, việc kiểm tra hồ sơ chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ được thực hiện theo trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gửi cho thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa văn bản yêu cầu kiểm tra.

b) Thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gửi cho cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa bằng văn bản trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu kiểm tra nêu tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp cần gia hạn thời gian trả lời đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gửi cho cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa văn bản giải trình không muộn hơn 5 ngày làm việc trước khi đến thời hạn quy định. Trong quá trình kiểm tra hồ sơ chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành, cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

hiện theo **các thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn** điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

2. Trên cơ sở quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận chủ động kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ theo trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận gửi cho nhà xuất khẩu đủ điều kiện đề **ng nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa** bằng văn bản **hoặc qua thư điện tử, trong đó yêu cầu cung cấp danh sách và bản sao chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa** đã phát hành theo tháng, quý hoặc năm cho các mã HS đăng ký tự chứng nhận, tờ khai xuất khẩu, bảng kê khai hàng hóa đáp ứng tiêu chí xuất xứ, quy trình sản xuất, lý do nghi vấn cụ thể về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu và thông tin hoặc chứng từ cần cung cấp.

b) Nhà xuất khẩu đủ điều kiện kiểm tra và trả lời cho cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận bằng văn bản hoặc qua thư điện tử kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa trong vòng **30 ngày** kể từ ngày nhận được đề **ng nghị kiểm tra** quy định tại điểm a khoản này.

c) Sau khi kết thúc kiểm tra, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận thông báo cho nhà xuất khẩu đủ điều kiện kết luận đối với kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm b khoản này bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**

d) Trường hợp không nhận được trả lời của nhà xuất khẩu đủ điều kiện trong thời hạn quy định tại điểm b khoản này hoặc nhà xuất khẩu đủ điều kiện đã trả lời nhưng chưa đúng hay chưa đáp ứng đầy đủ đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận có quyền thực hiện phương thức xác minh tại cơ sở sản xuất theo quy định tại Chương III Thông tư này.

- Trong vòng 90 ngày sau ngày nhận được yêu cầu (AANZ nâng cấp và ATIGA nâng cấp)

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)</p> <p>nhận xuất xứ hàng hóa yêu cầu thương nhân bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết.</p> <p>d) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa báo cáo Bộ Công Thương kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa sau khi kết thúc kiểm tra.</p> <p>3. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng khác trong nước về việc kiểm tra hồ sơ chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa báo cáo Bộ Công Thương để phối hợp xử lý.</p>	<p>DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)</p> <p>3. Trên cơ sở đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa kèm theo lý do và thông tin nghi vấn liên quan của cơ quan hải quan đối với lô hàng xuất khẩu đã được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện, việc kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành được cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận thực hiện theo trình tự sau:</p> <p>a) Cơ quan hải quan gửi cho cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa kèm theo danh sách số tham chiếu chứng từ tự chứng nhận xuất xứ và ngày phát hành, bản copy chứng từ tự chứng nhận xuất xứ thuộc diện kiểm tra, lý do nghi vấn cụ thể về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu và thông tin hoặc chứng từ cần cung cấp.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận kiểm tra và trả lời cho cơ quan hải quan bằng văn bản, đồng sao gửi Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra của cơ quan hải quan.</p> <p>4. Trường hợp cần gia hạn thời hạn trả lời đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này, văn bản đề nghị gia hạn (trong đó nêu rõ lý do và đề xuất thời hạn gia hạn trả lời cụ thể) phải được gửi cho cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước không muộn hơn 10 ngày trước khi đến thời hạn quy định. Thời hạn gia hạn trả lời do thương nhân và các cơ quan có thẩm quyền xác minh liên quan thống nhất.</p> <p>5. Trong quá trình kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định tại Điều này, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận yêu cầu thương nhân bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết.</p>	<p>THUYẾT MINH</p> <p>- Khoản 3 Điều 7 Thông tư 33/2023/TT-BTC là 60 ngày.</p> <p>- Bổ sung khoản 4 về gia hạn thời hạn trả lời kiểm tra chứng từ TCNXXHH đã phát hành để tăng tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan cấp VBCT hoặc thương nhân theo kiến nghị tại BC tổng kết, thi hành Thông tư 39/2018/TT-BCT.</p> <p>- Đưa một phần từ điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư 39/2018/TT-BCT xuống khoản 5 Điều 9 dự thảo Thông tư để tránh trùng lặp.</p>
<p>Điều 10. Trình tự kiểm tra hồ sơ chứng từ chứng nhận xuất</p>	<p>Điều 10. Trình tự kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đăng ký</p>	<p>- Sửa đổi tên Điều 10 để làm rõ trình tự ở Điều này</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)
xứ hàng hóa do thương nhân phát hành theo quy định nước
nhập khẩu

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, việc kiểm tra hồ sơ chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân phát hành theo quy định nước nhập khẩu được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

b) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định khác về thời hạn thông báo và thời hạn gia hạn thông báo kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa cho cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của nước nhập khẩu.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa tiến hành kiểm tra, quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, việc kiểm tra hồ sơ chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân phát hành theo quy định nước nhập khẩu theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng khác trong nước về việc kiểm tra hồ sơ chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân phát hành theo quy định nước nhập khẩu, thương nhân báo cáo Bộ Công Thương để phối hợp xử lý.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, việc kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đăng ký được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp C/O tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa gửi cho nhà xuất khẩu đăng ký đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài bằng văn bản hoặc qua thư điện tử **trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được**.

b) Nhà xuất khẩu đăng ký kiểm tra và trả lời cho cơ quan, tổ chức cấp C/O bằng văn bản hoặc qua thư điện tử kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa:

b1) Trong vòng **90 ngày** kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra quy định tại điểm a khoản này;

b2) Trong vòng **60 ngày** kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra quy định tại điểm a khoản này trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài gửi văn bản nhắc lại đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa.

c) Cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm b khoản này trong vòng **180 ngày** kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm a khoản này.

d) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được kết luận (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài đối với kết quả kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm c khoản này, cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho nhà xuất khẩu đăng ký bằng văn bản, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**.

đ) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy

THUYẾT MINH

áp dụng đối với chứng từ TCNXXHH do nhà xuất khẩu đăng ký theo quy định của EU (GSP-REX) dành cho Việt Nam. Để trở thành nhà xuất khẩu đăng ký, thương nhân cần đăng ký với EU qua cơ quan, tổ chức cấp C/O Việt Nam và được cấp một mã số TCNXXHH thể hiện trên chứng từ TCNXXHH sau này.

- Theo GSP EU, nước xk cần trả lời nước nk trong thời hạn 6 tháng, do vậy cần nhà xk đăng ký trả lời cơ quan cấp mã REX trong vòng 3 tháng-tương đương 90 ngày)

- Theo GSP EU, nước xk cần trả lời nước nk trong thời hạn 6 tháng-tương đương 180 ngày.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

định khác về quy trình, thời hạn trả lời và thời hạn gia hạn trả lời đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan, tổ chức cấp C/O thực hiện theo quy định của nước nhập khẩu.

2. Trên cơ sở quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức cấp C/O tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa chủ động kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đăng ký theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Trên cơ sở đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa kèm theo lý do và thông tin nghi vấn liên quan của cơ quan hải quan đối với lô hàng xuất khẩu đã được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa bởi nhà xuất khẩu đăng ký, việc kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp được cơ quan, tổ chức cấp C/O thực hiện theo trình tự quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

4. Trường hợp cần gia hạn thời hạn trả lời đề nghị kiểm tra xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này, **văn bản đề nghị gia hạn (trong đó nêu rõ lý do và đề xuất thời hạn gia hạn trả lời cụ thể) phải được gửi cho cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước không muộn hơn 10 ngày** trước khi đến thời hạn quy định. **Thời hạn gia hạn** trả lời do thương nhân và các cơ quan có thẩm quyền xác minh liên quan thống nhất.

5. Trong quá trình kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đăng ký theo quy định tại Điều này, cơ quan, tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết.

- Bổ sung khoản 4 về gia hạn thời hạn trả lời kiểm tra chứng từ TCNXXHH đã phát hành để tăng tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan cấp C/O hoặc thương nhân theo kiến nghị tại BC tổng kết, thi hành Thông tư 39/2018/TT-BCT.

- Bổ sung khoản 5 về trách nhiệm của nhà xuất khẩu đăng ký.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

Chương III
KIỂM TRA, XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA TẠI CƠ
SỞ SẢN XUẤT

Điều 11. Trường hợp kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất

Việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu đề nghị kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất khi kết quả kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nêu tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này chưa đủ căn cứ để xác định xuất xứ hàng hóa hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ hàng hóa.

2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước tiến hành kiểm tra, xác minh, quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa trong trường hợp:

a) Trước khi cấp C/O;

b) Trước khi cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc cấp mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

c) Sau khi đã cấp hoặc đã phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

3. Cơ quan chức năng khác trong nước đề nghị phối hợp khi có lý do nghi ngờ hoặc phát hiện dấu hiệu gian lận xuất xứ hàng hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

Chương III
XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TẠI CƠ
SỞ SẢN XUẤT

Điều 11. Trường hợp kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất

Để đảm bảo hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ và phòng chống việc thương nhân gian lận xuất xứ hàng hóa, công tác xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất của thương nhân được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài đề nghị xác minh tại cơ sở sản xuất khi kết quả kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này chưa đủ căn cứ để xác định xuất xứ hàng hóa hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ hàng hóa **theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam.**

2. Cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước chủ động xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân để quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu **tại các thời điểm:**

a) Trước khi cấp C/O;

b) Trước khi cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

c) sau khi đã cấp C/O hoặc đã phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhưng kết quả kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này chưa đủ căn cứ để xác định xuất xứ hàng hóa hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ hàng hóa.

THUYẾT MINH

Sửa đổi tên Chương III để khớp với khoản 2 Điều 5 Dự thảo Thông tư.

Sau rà soát các FTA/FTA thế hệ mới và GSP, sửa đổi Điều 11 để bảo đảm áp dụng linh hoạt cơ chế xác minh tại cssx của:

- ATIGA nâng cấp, AKFTA, VKFTA, GSP: trường hợp hải quan nước nhập khẩu không hài lòng với kết quả kiểm tra hồ sơ C/O hay chứng từ chứng từ tcnxxhh đã cấp do Việt Nam trả lời, họ mới tiến hành xác minh cssx của thương nhân tại Việt Nam.

- CPTPP, AANZ nâng cấp, AJCEP, VJCEP: nếu thấy cần thiết, hải quan nước nhập khẩu sẽ sang Việt Nam để xác minh cssx của thương nhân.

- Bỏ “tiền kiểm” xác minh xuất xứ trước khi cấp C/O và VBCT tại Thông tư 39/2018/TT-BCT để đưa vào các thông tư quy định TTHC cấp C/O và VBCT do các bước tiền kiểm là

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

Điều 12. Nội dung kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước tiến hành kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất để thu thập và xác thực nội dung sau:

1. Tình trạng hoạt động của thương nhân bao gồm thương nhân đang hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, chuyển quyền sở hữu, giải thể hay phá sản theo quy định của pháp luật.
2. Sự tồn tại của cơ sở sản xuất, trụ sở văn phòng phù hợp với thông tin đăng ký hồ sơ thương nhân.
3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, thị trường nhập khẩu nguyên liệu, thị trường xuất khẩu hàng hóa trước thời điểm kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.
4. Năng lực sản xuất, tình trạng máy móc, địa điểm lưu kho, nhân công.
5. Thông tin về hàng hóa, nguyên liệu, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
6. Việc lưu trữ, xuất trình và giải trình hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành và chứng từ khác liên quan.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

3. **Cơ quan hải quan** đề nghị phối hợp xác minh tại cơ sở sản xuất khi có lý do nghi ngờ hoặc phát hiện dấu hiệu gian lận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

Điều 12. Nội dung kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất

Cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước tiến hành xác minh tại cơ sở sản xuất để thu thập thông tin và xác thực nội dung sau:

1. Tình trạng hoạt động của thương nhân bao gồm thương nhân đang hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, chuyển quyền sở hữu, giải thể hay phá sản theo quy định của pháp luật.
2. Sự tồn tại của cơ sở sản xuất, nhà xưởng, công ty, trụ sở văn phòng phù hợp với thông tin đăng ký hồ sơ thương nhân.
3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, thị trường nhập khẩu nguyên liệu, thị trường xuất khẩu hàng hóa trước thời điểm xác minh xuất xứ hàng hóa.
4. Năng lực sản xuất, dây chuyền sản xuất, tình trạng hoạt động của máy móc thuộc dây chuyền sản xuất, **nhật ký sản xuất và sổ lượng nhân công.**
5. Thông tin về nguyên liệu nhập khẩu, nguyên liệu mua trong nước, thành phẩm xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
6. **Địa điểm lưu kho nguyên liệu và kho thành phẩm.**
7. Việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành theo quy định; **khả năng xuất trình, giải trình và cung cấp chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa khác liên quan khi được yêu cầu.**
8. **Khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu đã được cấp C/O hoặc phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất**

THUYẾT MINH

một phần trong quy trình thực hiện các TTHC này.

- Sửa đổi tên Điều 12 để khớp với khoản 2 Điều 5 Dự thảo Thông tư và một số nội dung của Điều 12 để có nội dung rõ ràng hơn khi đi xác minh cssx của thương nhân.

- Bổ sung khoản 6 và khoản 8 vào Điều 12 dự thảo Thông tư để có thêm thông tin về xuất xứ của nguyên liệu sản xuất ra thành phẩm/xuất xứ của thành phẩm đã cấp C/O hoặc đã phát hành chứng từ TCNXX khi xác minh cssx.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)	THUYẾT MINH
<p>Điều 13. Trình tự kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất trước và sau khi cấp C/O</p> <p>1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất được thực hiện theo trình tự sau:</p> <p>a) Cơ quan, tổ chức cấp C/O ban hành quyết định thành lập tổ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất sau khi thống nhất với cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu. Quyết định thành lập tổ công tác bao gồm các nội dung cơ bản như thành phần tổ công tác, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ công tác, thương nhân thuộc diện kiểm tra, xác minh và thời gian kiểm tra, xác minh.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho thương nhân bằng văn bản hoặc theo hình thức thư điện tử về thời gian kiểm tra, xác minh, nội dung cần chuẩn bị phục vụ công tác kiểm tra, xác minh chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày thực hiện kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất.</p> <p>c) Tổ công tác và cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu tiến hành kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo thời gian kiểm tra, xác minh đã thông báo và lập biên bản dựa trên ý kiến của các bên liên quan sau khi kết thúc đợt kiểm tra, xác minh.</p> <p>d) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu về kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất, cơ quan, tổ chức cấp C/O gửi thông báo này bằng văn bản cho Bộ Công Thương và thương nhân liên quan.</p> <p>2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước tiến hành kiểm tra, xác minh, quản lý rủi ro và chống gian lận</p>	<p>xứ.</p> <p>Điều 13. Trình tự xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất trước và sau khi cấp C/O</p> <p>1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, việc xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất của thương nhân được thực hiện theo trình tự sau:</p> <p>a) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị xác minh tại cơ sở sản xuất của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) gửi thông báo cho cơ quan, tổ chức cấp C/O bằng văn bản hoặc qua thư điện tử và đề nghị trao đổi với thương nhân về thời gian xác minh, thành phần đoàn và phạm vi thông tin cần chuẩn bị nêu tại đề nghị xác minh đó.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O và thương nhân chấp thuận ngay hoặc đề nghị tạm hoãn việc xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất bằng văn bản hoặc qua thư điện tử với cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được đề nghị xác minh tại cơ sở sản xuất quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>c) Cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài tiến hành xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo thời gian xác minh, thành phần đoàn và phạm vi thông tin đã thông báo, thống nhất với thương nhân. Cơ quan, tổ chức cấp C/O có trách nhiệm tham gia đoàn xác minh tại cơ sở sản xuất cùng với cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài để hỗ trợ thương nhân.</p> <p>d) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết luận (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài sau khi kết thúc công tác xác minh, cơ quan, tổ chức cấp C/O gửi thông báo này bằng văn bản cho thương nhân, đồng sao gửi Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>đ) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế</p>	<p>-Bỏ “tiền kiểm” xác minh xuất xứ trước khi cấp C/O và VBCT tại Thông tư 39/2018/TT-BCT để đưa vào các thông tư quy định TTHC cấp C/O và VBCT do các bước tiền kiểm là một phần trong quy trình thực hiện các TTHC này.</p> <p>-Trước kia, hải quan nước nhập khẩu thường đề nghị Cục XNK-BCT chủ trì việc xác minh cssx tại Việt Nam khi mới thực thi một số FTA. Theo quy định sửa đổi xác minh cssx trong các FTA gần đây, hải quan nước nhập khẩu thông báo qua Cục XNK-BCT, đồng thời gửi văn bản trực tiếp với nhà xuất khẩu về lịch trình dự kiến xác minh cssx. Do vậy, sửa đổi trình tự xác minh cssx sau khi cấp C/O về các bước xử lý, thời hạn xử lý, cơ chế phối hợp sau phân cấp, phân quyền ... của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

xuất xứ hàng hóa, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ được thực hiện theo trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp C/O ban hành quyết định thành lập tổ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất. Quyết định thành lập tổ công tác bao gồm các nội dung cơ bản như thành phần tổ công tác, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ công tác, thương nhân thuộc diện kiểm tra, xác minh và thời gian kiểm tra, xác minh.

b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho thương nhân bằng văn bản hoặc theo hình thức thư điện tử về thời gian kiểm tra, xác minh, nội dung cần chuẩn bị phục vụ công tác kiểm tra, xác minh:

- Chậm nhất 3 ngày làm việc trước ngày thực hiện kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất đối với trường hợp nghi ngờ trước khi cấp C/O nêu tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Thời gian kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất không tính vào thời gian xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O tại cơ quan, tổ chức cấp C/O;

- Chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày thực hiện kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất đối với trường hợp sau khi cấp C/O nêu tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

c) Tổ công tác tiến hành kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo thời gian kiểm tra, xác minh đã thông báo và lập biên bản sau khi kết thúc đợt kiểm tra, xác minh.

d) Cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho thương nhân bằng văn bản hoặc theo hình thức thư điện tử về kết quả kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất:

- Chậm nhất 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, xác minh đối với trường hợp nghi ngờ trước khi cấp C/O nêu tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư này;

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

mà **nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định khác về quy trình xác minh, thời hạn **trả lời** hoặc tạm hoãn đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất của cơ quan có thẩm quyền **xác minh** nước ngoài, cơ quan, tổ chức cấp C/O và thương nhân thực hiện **theo các thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn** điều ước quốc tế đó hoặc theo quy định nước nhập khẩu.

2. Trên cơ sở quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức cấp C/O chủ động xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ theo trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp C/O ban hành quyết định thành lập đoàn công tác xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo **Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục** kèm theo Thông tư này. Quyết định thành lập đoàn công tác xác minh bao gồm các nội dung cơ bản như thành phần đoàn, nhiệm vụ và quyền hạn của đoàn công tác, tên và địa chỉ của thương nhân, **danh sách hàng hóa thuộc diện xác minh (Mã HS và mô tả hàng hóa kèm số tham chiếu của C/O đã cấp)** và thời gian xác minh.

b) Cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho thương nhân bằng văn bản hoặc qua thư điện tử về thời gian xác minh, phiếu câu hỏi thương nhân cần chuẩn bị để phục vụ công tác xác minh theo **Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục** kèm theo Thông tư này:

~~b1) Chậm nhất 05 ngày trước ngày thực hiện xác minh tại cơ sở sản xuất đối với trường hợp nghi ngờ trước khi cấp C/O nêu tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Thời gian xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất không tính vào thời gian xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O tại cơ quan, tổ chức cấp C/O;~~

~~b2) chậm nhất 10 ngày~~ trước ngày thực hiện xác minh tại cơ

ngoài (khoản 1), cơ quan cấp C/O (khoản 2) và cơ quan hải quan (khoản 3) Điều 13 để minh bạch trong trình tự xác minh cssx và phù hợp FTA.

- Sau rà soát các FTA, thời gian thương nhân và cơ quan cấp C/O nước xuất khẩu đồng ý với lịch trình xác minh cssx do hải quan nước nhập khẩu đề xuất là trong vòng 30 ngày (CPTPP, RCEP, ATIGA nâng cấp, AKFTA, VKFTA ...).

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

- Chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, xác minh đối với trường hợp sau khi cấp C/O nêu tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

3. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng khác trong nước về việc kiểm tra, xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất, cơ quan, tổ chức cấp C/O báo cáo Bộ Công Thương để phối hợp xử lý.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

c) Đoàn công tác xác minh tiến hành xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo thời gian xác minh đã thông báo, thống nhất với thương nhân và lập biên bản theo **Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục** kèm theo Thông tư này trước khi kết thúc công tác xác minh.

d) **Trong vòng 15 ngày** kể từ ngày kết thúc công tác xác minh, Đoàn công tác xác minh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo người ban hành quyết định thành lập đoàn công tác về kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo **Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục** kèm theo Thông tư này.

đ) Cơ quan, tổ chức cấp C/O thông báo cho thương nhân bằng văn bản hoặc qua thư điện tử về kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất **và biện pháp chống gian lận xuất xứ theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có)**

~~d1) Chậm nhất 05 ngày~~ kể từ ngày kết thúc xác minh đối với trường hợp nghi ngờ trước khi cấp C/O nêu tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư này;

~~d2) chậm nhất 10 ngày~~ kể từ ngày báo cáo kết quả xác minh nêu tại điểm d khoản này được thông qua ~~kết thúc xác minh đối với trường hợp sau khi cấp C/O nêu tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này.~~

3. Trên cơ sở đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất kèm theo lý do và thông tin nghi vấn liên quan của cơ quan hải quan đối với lô hàng xuất khẩu đã được cấp C/O, thương nhân phối hợp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp không phải là nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu đã được cấp C/O hoặc nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng để sản xuất hàng hóa đã được cấp C/O, thương nhân

- Bổ sung cơ chế báo cáo nội bộ của Đoàn công tác cho Thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định xác minh trước khi kết quả xác minh được thông báo cho thương nhân.

- Bổ sung khoản 4 Điều 13 để tăng tính trách nhiệm

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)	THUYẾT MINH
	<p>đề nghị cấp C/O đề nghị nhà sản xuất, nhà cung cấp liên quan phối hợp cung cấp hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hóa đạt tiêu chí xuất xứ để phục vụ công tác xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất do cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước và cơ quan hải quan tiến hành theo quy định từ khoản 1 đến khoản 3 Điều này.</p>	<p>của nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu cho thương nhân đ/n cấp C/O theo kiến nghị tại BC tổng kết, thi hành Thông tư 39/2018/TT-BCT.</p>
<p>Điều 14. Trình tự kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất trước và sau khi phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa</p> <p>1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất được thực hiện theo trình tự sau:</p> <p>a) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban hành quyết định thành lập tổ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất sau khi thống nhất với cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu. Quyết định thành lập tổ công tác bao gồm các nội dung cơ bản như thành phần tổ công tác, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ công tác, thương nhân thuộc diện kiểm tra, xác minh và thời gian kiểm tra, xác minh.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa thông báo cho thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa bằng văn bản hoặc theo hình thức thư điện tử về thời gian kiểm tra, xác minh, nội dung cần chuẩn bị phục vụ công tác kiểm tra, xác minh chậm nhất 7 ngày trước ngày thực hiện kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất.</p> <p>c) Tổ công tác và cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu tiến hành kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất</p>	<p>Điều 14. Trình tự xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất trước và sau khi phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa</p> <p>1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, việc xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất của nhà xuất khẩu đủ điều kiện được thực hiện theo trình tự sau:</p> <p>a) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị xác minh tại cơ sở sản xuất của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) gửi thông báo cho cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận bằng văn bản hoặc qua thư điện tử và đề nghị trao đổi với nhà xuất khẩu đủ điều kiện về thời gian xác minh, thành phần đoàn và phạm vi thông tin cần chuẩn bị nêu tại đề nghị xác minh đó.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận và nhà xuất khẩu đủ điều kiện chấp thuận ngay hoặc đề nghị tạm hoãn việc xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất bằng văn bản hoặc trao đổi qua thư điện tử với cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được đề nghị xác minh quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>c) Cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài tiến hành xác minh tại cơ sở sản xuất theo thời gian xác minh, thành phần đoàn và phạm vi thông tin đã thông báo, thống nhất với nhà xuất</p>	<p>Sửa đổi Điều 14 tương tự Điều 13 dự thảo Thông tư.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

theo thời gian kiểm tra, xác minh đã thông báo và lập biên bản dựa trên ý kiến của các bên liên quan sau khi kết thúc đợt kiểm tra, xác minh.

d) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác về trình tự kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất, cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

đ) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu về kết quả kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất, cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gửi thông báo này bằng văn bản cho Bộ Công Thương và thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa liên quan.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước tiến hành kiểm tra, xác minh, quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ được thực hiện theo trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban hành quyết định thành lập tổ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất. Quyết định thành lập tổ công tác bao gồm các nội dung cơ bản như thành phần tổ công tác, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ công tác, thương nhân thuộc diện kiểm tra, xác minh và thời gian kiểm tra, xác minh.

b) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa thông báo cho thương nhân bằng văn bản hoặc theo hình thức thư điện tử về thời gian kiểm tra, xác minh,

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

khẩu đủ điều kiện. Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận có trách nhiệm tham gia đoàn xác minh tại cơ sở sản xuất cùng với cơ quan có thẩm quyền **xác minh** nước ngoài để hỗ trợ nhà xuất khẩu đủ điều kiện.

d) Trong vòng **07 ngày** kể từ ngày nhận được thông báo kết luận (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền **xác minh** nước ngoài sau khi kết thúc công tác xác minh, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận gửi thông báo này bằng văn bản cho nhà xuất khẩu đủ điều kiện, **đồng** sao gửi **Cục Xuất nhập khẩu** (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà **nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên có quy định khác về quy trình xác minh, thời hạn **trả lời** hoặc tạm hoãn đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất của cơ quan có thẩm quyền **xác minh** nước ngoài, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận và nhà xuất khẩu đủ điều kiện thực hiện **theo các thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn** điều ước quốc tế đó.

2. Trên cơ sở quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận chủ động xác minh tại cơ sở sản xuất của **nhà xuất khẩu đủ điều kiện** ~~thương nhân~~ theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ theo

trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận ban hành quyết định thành lập đoàn công tác xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo **Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục** kèm theo Thông tư này. Quyết định thành lập đoàn xác minh bao gồm các nội dung cơ bản như thành phần đoàn, nhiệm vụ và quyền hạn của đoàn công tác, tên và địa chỉ của thương nhân thuộc diện xác minh và thời gian xác minh.

b) Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận thông báo cho **nhà xuất khẩu đủ điều kiện** ~~thương nhân~~ bằng văn bản hoặc qua thư

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

nội dung cần chuẩn bị phục vụ công tác kiểm tra, xác minh:

- Chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày thực hiện kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất đối với trường hợp trước khi cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này;

- Chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày thực hiện kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất đối với trường hợp sau khi đã phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

c) Tổ công tác tiến hành kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo thời gian kiểm tra, xác minh đã thông báo và lập biên bản sau khi kết thúc đợt kiểm tra, xác minh.

d) Cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa thông báo cho thương nhân bằng văn bản hoặc theo hình thức thư điện tử về kết quả kiểm tra, xác minh cơ sở sản xuất:

- Chậm nhất 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, xác minh đối với trường hợp trước khi cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này;

- Chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, xác minh đối với trường hợp sau khi đã phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

3. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng khác trong nước về việc kiểm tra, xác minh xuất xứ tại cơ sở sản xuất, thương nhân tham gia cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa báo cáo Bộ Công Thương để phối hợp xử lý.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

điện tử về thời gian xác minh, phiếu câu hỏi thương nhân cần chuẩn bị để phục vụ công tác xác minh theo **Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục** kèm theo Thông tư này;

~~b1) Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày thực hiện xác minh tại cơ sở sản xuất của thương nhân đối với trường hợp trước khi cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này;~~

~~b2) chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày thực hiện xác minh tại cơ sở sản xuất của nhà xuất khẩu đủ điều kiện đối với trường hợp sau khi đã phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.~~

c) Đoàn công tác xác minh tiến hành xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo thời gian xác minh đã thông báo, thống nhất với **nhà xuất khẩu đủ điều kiện** và lập biên bản theo **Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục** kèm theo Thông tư này trước khi kết thúc công tác xác minh.

d) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc công tác xác minh, Đoàn công tác xác minh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo người ban hành quyết định thành lập đoàn công tác về kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

đ) Cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận thông báo cho nhà xuất khẩu đủ điều kiện bằng văn bản hoặc qua thư điện tử về kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất **và biện pháp chống gian lận xuất xứ theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có):**

~~d1) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc xác minh đối với trường hợp trước khi cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này;~~

~~d2) chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo kết quả xác minh nêu tại điểm d khoản này được thông qua.~~

- Bổ sung cơ chế báo cáo nội bộ của Đoàn công tác cho Thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định xác minh trước khi kết quả xác minh được thông báo cho thương nhân.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

THUYẾT MINH

3. Trên cơ sở đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất kèm theo lý do và thông tin nghi vấn liên quan của cơ quan hải quan đối với lô hàng xuất khẩu đã phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhà xuất khẩu đủ điều kiện phối hợp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp không phải là nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu đã được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hoặc nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng để sản xuất hàng hóa đã được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ, nhà xuất khẩu đủ điều kiện đề nghị nhà sản xuất, nhà cung cấp liên quan phối hợp cung cấp hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hóa đạt tiêu chí xuất xứ để phục vụ công tác xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất do cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước và cơ quan hải quan tiến hành theo quy định từ khoản 1 đến khoản 3 Điều này.

Điều 15. Trình tự kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất đối với chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân phát hành theo quy định nước nhập khẩu

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất đối với chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân phát hành theo quy định nước nhập khẩu được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này;

b) Trường hợp quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam có quy định khác về trình tự kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất đối với chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân phát hành theo quy định nước nhập

Điều 15. Trình tự xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất sau khi nhà xuất khẩu đăng ký phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định nước nhập khẩu

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, việc xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất của nhà xuất khẩu đăng ký được thực hiện theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

2. Trên cơ sở quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức cấp C/O tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa chủ động kiểm tra chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành bởi nhà xuất khẩu đăng ký theo xác suất, định kỳ hoặc khi có lý do nghi ngờ gian lận xuất xứ theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

3. Trên cơ sở đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất kèm theo lý do và thông tin nghi vấn liên quan

- Bổ sung khoản 4 Điều 14 để tăng tính trách nhiệm của nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu cho thương nhân đ/n cấp C/O theo kiến nghị tại BC tổng kết, thi hành Thông tư 39/2018/TT-BCT.

- Sửa đổi Điều 15 theo trình tự dẫn chiếu theo Điều 14 dự thảo Thông tư.

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)</p> <p>khẩu, cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thương nhân thực hiện theo quy định của nước nhập khẩu.</p> <p>2. Trường hợp cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa tiến hành kiểm tra, xác minh, quản lý rủi ro và chống gian lận xuất xứ hàng hóa, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.</p> <p>3. Trường hợp nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng khác trong nước về việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất đối với chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa do thương nhân phát hành theo quy định nước nhập khẩu, thương nhân báo cáo Bộ Công Thương để phối hợp xử lý.</p> <p>Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p>DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)</p> <p>của cơ quan hải quan đối với lô hàng xuất khẩu đã phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhà xuất khẩu đăng ký phối hợp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Trường hợp không phải là nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu đã được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hoặc nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng để sản xuất hàng hóa đã được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ, nhà xuất khẩu đăng ký đề nghị nhà sản xuất, nhà cung cấp liên quan phối hợp cung cấp hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hóa đạt tiêu chí xuất xứ để phục vụ công tác xác minh xuất xứ hàng hóa tại cơ sở sản xuất do cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước và cơ quan hải quan tiến hành theo quy định từ khoản 1 đến khoản 3 Điều này.</p> <p>Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p>THUYẾT MINH</p> <p>- Bổ sung khoản 4 Điều 15 để tăng tính trách nhiệm của nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu cho thương nhân đ/n cấp C/O theo kiến nghị tại BC tổng kết, thi hành Thông tư 39/2018/TT-BCT.</p>
<p>Điều 16. Trách nhiệm của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương</p> <p>1. Chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này.</p> <p>2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu, cơ quan chức năng khác trong nước trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.</p> <p>3. Thực hiện hoặc hướng dẫn thực hiện cho cơ quan, tổ chức cấp C/O, cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa và thương nhân trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>4. Thông báo cho cơ quan, tổ chức cấp C/O, cơ quan, tổ</p>	<p>Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>1. Theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn cơ quan, tổ chức cấp C/O và cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận và thương nhân thực hiện kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại Thông tư này, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác của nước nhập khẩu dành cho Việt Nam.</p> <p>2. Thực hiện hoặc hướng dẫn cơ quan, tổ chức cấp C/O, cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận thực hiện kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo mặt hàng, thị trường và loại tiêu chí xuất xứ.</p> <p>3. Cập nhật tên, địa chỉ, thư điện tử cơ quan đầu mối phụ</p>	<p>Việc cấp C/O và VBCT được phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định 146/2025/NĐ-CP và hiện đang được đưa vào dự án Luật sửa đổi Luật QLNT 2017 tại Điều 34, do vậy sửa đổi, bổ sung Điều 16 theo hướng BCT và UBND cấp tỉnh đều có trách</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)
(Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh
xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)

chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa và các bên liên quan về các mặt hàng có rủi ro cao, gian lận về xuất xứ hàng hóa.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cấp C/O, cơ quan, tổ chức cấp văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và cơ quan, tổ chức tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Phối hợp với Bộ Công Thương, cơ quan chức năng khác trong nước và cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

2. Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu đúng thời hạn.

3. Báo cáo Bộ Công Thương định kỳ hàng quý, hàng năm về việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

4. Áp dụng hoặc đề xuất áp dụng biện pháp chống gian lận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

5. Lưu trữ, giữ bí mật, cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)

trách kiểm tra, xác minh của các nước nhập khẩu cho cơ quan, tổ chức cấp C/O và cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận.

4. Thông báo cho cơ quan, tổ chức cấp C/O và cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận về các mặt hàng có rủi ro cao, gian lận về xuất xứ hàng hóa (nếu có).

5. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước và cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, xác minh hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại **khoản 1 Điều 18 Nghị định số/2026/NĐ-CP.**

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cấp C/O và cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận

1. Phối hợp với Bộ Công Thương (qua Cục Xuất nhập khẩu), cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước và cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 **Nghị định số/2026/NĐ-CP.**

2. Chịu trách nhiệm về nội dung và thời hạn cung cấp kết quả kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu; Thống kê định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành, kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại cơ sở sản xuất trong trường hợp cơ quan, tổ chức cấp C/O và cơ quan, tổ chức cấp Văn bản chấp thuận trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Báo cáo Bộ Công Thương định kỳ hàng quý, hàng năm về việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

4. Áp dụng hoặc đề xuất áp dụng biện pháp chống gian lận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại **Điều Nghị định số/2026/NĐ-CP.**

5. Lưu trữ, giữ bí mật, cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ

THUYẾT MINH

nhiệm như nhau trong việc kiểm tra, hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền trực thuộc được phân cấp/ủy quyền cấp C/O thực hiện công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)	THUYẾT MINH
<p>Điều 18. Trách nhiệm của thương nhân</p> <p>1. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước, cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>2. Liên hệ với nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu có xuất xứ để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhằm phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa trong trường hợp thương nhân không phải là nhà sản xuất, nhà cung cấp trực tiếp hàng hóa hay nguyên liệu đó.</p> <p>3. Giải trình, cung cấp, bổ sung đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.</p> <p>4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, xác thực của văn bản giải trình, hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.</p> <p>5. Lưu trữ, giữ bí mật, cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.</p>	<p>hàng hóa theo quy định tại Điều ... Nghị định số .../2026/NĐ-CP.</p> <p>Điều 18. Trách nhiệm của thương nhân</p> <p>1. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác minh nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền xác minh trong nước và cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>2. Liên hệ với nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu có xuất xứ để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhằm phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa trong trường hợp thương nhân không phải là nhà sản xuất, nhà cung cấp trực tiếp hàng hóa hay nguyên liệu đó.</p> <p>3. Phối hợp cung cấp hồ sơ, chứng từ chứng minh nguyên liệu, hàng hóa sản xuất trong nước và cung cấp cho thương nhân đề nghị cấp C/O hoặc nhà xuất khẩu đủ điều kiện hoặc nhà xuất khẩu đăng ký đạt tiêu chí xuất xứ để phục vụ công tác kiểm tra, xác minh C/O đã cấp hoặc chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã phát hành trong trường hợp là nhà sản xuất, nhà cung cấp trực tiếp nguyên liệu, hàng hóa đó.</p> <p>4. Giải trình, cung cấp, bổ sung đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, xác thực của văn bản giải trình, hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.</p> <p>6. Lưu trữ, giữ bí mật, cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều ... Nghị định số .../2026/NĐ-CP.</p>	<p>Theo kiến nghị tại BC tổng kết, thi hành Thông tư 39/2018/TT-BCT, bổ sung khoản 3 Điều 18 dự thảo Thông tư để làm rõ trách nhiệm của là nhà sản xuất, nhà cung cấp trực tiếp nguyên liệu, hàng hóa trong trường hợp là nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu, hàng hóa sản xuất trong nước cho thương nhân đề nghị cấp C/O/nhà xuất khẩu đủ điều kiện/nhà xuất khẩu đăng ký.</p>
<p>Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan</p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong việc cung cấp thông tin, tài liệu để hỗ trợ việc kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.</p>	<p>Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan hải quan</p> <p>Cơ quan hải quan phối hợp cung cấp số liệu xuất khẩu, nhập khẩu, thông tin về gian lận xuất xứ hàng hóa và hàng hóa của thương nhân chưa đáp ứng quy tắc xuất xứ theo đề nghị của cơ</p>	<p>Sửa đổi Điều 19 thành trách nhiệm của cơ quan hải quan trong nước trong việc kiểm tra, hỗ trợ kiểm tra công tác xác minh xuất</p>

<p>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4) (Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu)</p> <p>Điều 20. Hiệu lực thi hành Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2018./.</p>	<p>DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ (3)</p> <p>quan, tổ chức cấp C/O, cơ quan tổ chức cấp Văn bản chấp thuận để hỗ trợ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số/NĐ và Thông tư này.</p> <p>Điều 20. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 20... 2. Thông tư này thay thế Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu. 3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.</p>	<p>THUYẾT MINH</p> <p>xứ hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>Sửa đổi Điều 20 theo hướng bổ sung Thông tư này thay thế Thông tư 39/2018/TT-BCT và thực hiện theo các thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dự thảo Thông tư sau này (nếu có).</p>

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.
- (2) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đóng trụ sở.
- (3) Tên dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
- (4) Tên văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.